TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 24-10-2018.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Ngọc T, sinh năm 1978; có mặt.

- *Bị đơn:* Dương Công A, sinh năm 1977; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp A Đ, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đào Ngọc T trình bày:

Chị và anh Công A chung sống với nhau từ năm 1996, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường H T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng có cuộc sống tự lập. Từ khi chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Công A thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện cãi nhau với chị, có lời lẽ thiếu tế nhị với cha,

mẹ chị. Anh Công A có việc làm, có thu nhập nhưng không lo cho kinh tế gia đình. Chị đã cho anh Công A nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng anh Công A vẫn không sửa đổi. Năm 2017, chị đã nộp đơn ly hôn tại Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, anh Công A hứa sửa đổi nên chị đã rút đơn ly hôn. Sau khi rút đơn, vợ chồng không đoàn tụ được mà tiếp tục sống ly thân từ tháng 12-2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Công A nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Nay chị yêu cầu ly hôn anh Công A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Dương Ngọc Thanh V, sinh ngày 11-01-1997, hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Dương Công A trình bày:

Thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Anh không rõ nguyên nhân dẫn đến chị T yêu cầu ly hôn với anh. Thời gian gần đây, tình cảm chị T ngày càng lạnh nhạt với anh. Thậm chí, chị T không cho anh biết chị T làm công việc gì và sống ở đâu. Anh nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ với chị T nhưng chị T không đồng ý mà kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh yêu cầu đoàn tụ cùng chị T.

Nếu Tòa giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, anh có ý kiến như sau:

Về con chung: Cháu Dương Ngọc Thanh V, sinh ngày 11-01-1997 hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đào Ngọc T yêu cầu được ly hôn anh Dương Công A.

Về con chung: Cháu Dương Ngọc Thanh V, sinh ngày 11-01-1997 hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Dương Công A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Công A chung sống với nhau vào năm 1996, có đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường H T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Công A không lo cho kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu say và về nhà kiếm chuyện cãi nhau với chị T. Vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 12-2017 đến nay. Năm 2017, chị T đã nộp đơn yêu cầu ly hôn, sau đó rút đơn lại nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân, anh Công A nhiều lần đặt vấn đề đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Tòa án có tiến hành xác minh tại địa phương nơi vợ chồng chị T, anh Công A sinh sống. Kết quả thể hiện: Vợ chồng chị T, anh Công A nhiều lần xảy ra mâu thuẫn như chị T đã trình bày. Do những mâu thuẫn trên liên tục xảy ra nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Hôn nhân của chị T và anh Công A lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh Công A theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Cháu Dương Ngọc Thanh V, sinh ngày 11-01-1997 hiện đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Công A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Đào Ngọc T được ly hôn anh Dương Công A.

2. Về con chung: Cháu Dương Ngọc Thanh V, sinh ngày 11-01-1997 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Đào Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009843 ngày 04 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Công A vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND Phường H T;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Đững